ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG QUYẾT THẮNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1236/QĐ-UBND	*Quyết Thắng, ngày 9 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2026 của phường Quyết Thắng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 20/12/2025 của UBND phường Quyết Thắng về việc giao dự toán ngân sách phường Quyết Thắng năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị phường Quyết Thắng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách của UBND phường Quyết Thắng 9 tháng năm 2026.

(có biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND phường, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Lãnh đạo UBND phường; - Như điều 3; - Lưu: VT, KTHT&ĐT.	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Nguyễn Văn Nam**

UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG QUYẾT THẮNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 694 /TB-UBND	*Quyết Thắng, ngày 12 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai công khai thu, chi ngân sách phường Quyết Thắng 9 tháng năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

UBND Phường Quyết Thắng thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 9 tháng năm 2026.

1. Nội dung niêm yết công khai

- Ước thực hiện thu ngân sách phường 9 tháng năm 2026.
- Ước thực hiện chi ngân sách phường 9 tháng năm 2026.

2. Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của phường;

3. Thời gian công khai: 30 ngày liên tục kể từ ngày 12/10/2026 đến hết ngày 11/11/2026.

Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh bằng văn bản gửi về phòng KTHT&ĐT phường Quyết Thắng

Vậy UBND phường Quyết Thắng thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND phường để xem niêm yết công khai thu chi ngân sách phường 9 tháng năm 2026 theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:** - Lãnh đạo UBND phường; - Tổ trưởng các TDP phường; - Lưu: VT, KT.	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Nguyễn Văn Nam**

UBND PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Mẫu biểu số 54

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước tháng so (%)	
			9 Tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**					
I	Thu nội địa	**733.942.000.000**	**557.568.766.866**	**557.568.766.866**	76%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**404.675.000.000**	**301.246.525.668**	**301.246.525.668**	74%	
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**301.088.000.000**	**198.541.502.668**	**198.541.502.668**	66%	
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%		1.475.971.060	1.475.971.060		
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	301.088.000.000	197.065.531.608	197.065.531.608	65%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**103.587.000.000**	**102.705.023.000**	**102.705.023.000**	99%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	33.372.000.000	17.790.000.000	17.790.000.000	53%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	70.215.000.000	84.915.023.000	84.915.023.000	121%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**404.675.000.000**	**302.393.432.791**	**302.393.432.791**	75%	
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**404.675.000.000**	**302.393.432.791**	**302.393.432.791**	75%	
1	Chi đầu tư phát triển	241.954.000.000	181.836.000.000	181.836.000.000	75%	
2	Chi thường xuyên	154.509.000.000	119.663.640.791	119.663.640.791	77%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	8.212.000.000	893.792.000	893.792.000	11%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**					
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**					

UBND PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Mẫu biểu số 55

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			9 Tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**					
I	**Thu nội địa**	**733.942.000.000**	**557.568.766.866**	**557.568.766.866**	76%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	**2.217.000.000**	**9.339.042.579**	**9.339.042.579**	421%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	**7.000.000**	**96.888.052**	**96.888.052**	1384%	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	**57.032.000.000**	**55.370.109.646**	**55.370.109.646**	97%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	**35.767.000.000**	**32.876.271.133**	**32.876.271.133**	92%	
5	Thuế bảo vệ môi trường			**0**		
6	Các loại phí, lệ phí	**30.374.000.000**	**25.795.931.527**	**25.795.931.527**	85%	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	29.975.000.000	**25.115.463.486**	**25.115.463.486**	84%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	**578.545.000.000**		**0**	0%	
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*			**0**		
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	1.350.000.000	**795.503.019**	**795.503.019**	59%	
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	20.195.000.000	**16.928.639.239**	**16.928.639.239**	84%	
-	*Thu tiền sử dụng đất*	557.000.000.000	**406.990.792.027**	**406.990.792.027**	73%	
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*			**0**		
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển			**0**		
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			**0**		
10	Thu từ hoạt động xổ số			**0**		
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển		**20.649.060**	**20.649.060**		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			**0**		
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*			**0**		
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*			**0**		
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác			**0**		
14	Thu khác ngân sách	**30.000.000.000**	**9.375.589.644**	**9.375.589.644**	31%	
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**					

1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	**Thu viện trợ**					
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**					
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP					
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%					

UBND PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Mẫu biểu số 56.1

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			9 Tháng	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSĐP	**396.463.000.000**	**302.238.182.791**	**302.238.182.791**		
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**					
I	**Chi đầu tư phát triển**	**241.954.000.000**	**181.836.000.000**	**181.836.000.000**	75%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	241.954.000.000	181.836.000.000	181.836.000.000	75%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**154.509.000.000**	**119.508.390.791**	**119.508.390.791**	77%	
	Trong đó:					
1	Chi quốc phòng	2.709.000.000	1.789.427.400	1.789.427.400	66%	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.537.000.000	1.409.600.000	1.409.600.000	92%	
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	73.171.000.000	68.437.558.168	68.437.558.168	94%	
4	Chi khoa học và công nghệ	641.000.000	554.661.488	554.661.488	87%	
5	Chi văn hoá thông tin	360.000.000	238.559.740	238.559.740	66%	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	225.000.000	41.120.000	41.120.000	18%	
7	Chi thể dục thể thao	270.000.000	222.252.492	222.252.492	82%	
8	Chi bảo vệ môi trường	2.043.000.000	328.669.356	328.669.356	16%	
9	Chi các hoạt động kinh tế	9.117.000.000	1.634.405.172	1.634.405.172	18%	
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.087.000.000	21.459.198.818	21.459.198.818	74%	
11	Chi đảm bảo xã hội	35.349.000.000	23.392.938.157	23.392.938.157	66%	
IV	Chi cho vay					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	8.212.000.000	893.792.000	893.792.000	11%	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					